

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
CHÁNH HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2893	723	773	708	689
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	95.13%	96.54%	95.86%	93.36%	94.63%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	4.14%	3.46%	4.14%	6.5%	4.93%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.14%	0%	0%	0.14%	0.44%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực	2893	723	773	708	689
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	48.77%	51.31%	50.58%	46.61%	46.30%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	32.80%	33.89%	32.47%	31.07%	33.82%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	17.70%	14.66%	16.04%	20.48%	19.88%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.69%	0.14%	0.91%	1.69%	0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.03%	0%	0%	0.14%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2893	723	773	708	689
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.28%	99.86%	99.81%	98.17%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	48.77%	51.31%	50.58%	46.61%	46.30%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	32.80%	33.89%	32.47%	31.07%	33.82%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.69%	0.14%	0.91%	1.69%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.03%	0%	0%	0.14%	0%

4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đến: 0.1% Đi: 1.17%	Đến: 0.13% Đi: 1.65%	Đến: 0% Đi: 1.42%	Đến: 0.28% Đi: 0.56%	Đến 0% Đi: 1.01%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	43	4	5	9	25
1	Cấp huyện	14	1	1	2	10
2	Cấp tỉnh/thành phố	26	3	4	7	15
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	689	0	0	0	689
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	689	0	0	0	689
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	46.30%	0	0	0	46.30%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	33.82%	0	0	0	33.82%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	19.88%	0	0	0	19.88%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1465/1428	390/333	376/397	337/371	362/327
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	135	41	25	37	32

Quận 8, ngày 21 tháng 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Đồng Thị Ngọc Dung